

Số: 04/NQ-HĐT

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt và ban hành Đề án vị trí việc làm Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3651/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3326/QĐ-BVHTTDL ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3345/QĐ-BVHTTDL ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09/8/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

Căn cứ tờ trình số 161/TTr-SKĐAHN của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội về việc phê duyệt Đề án “Vị trí việc làm của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội”;

Căn cứ Kết luận Hội nghị Hội đồng trường Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội; ngày 25 tháng 03 năm 2024.



QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Nghị quyết này đề án vị trí việc làm Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội (có bản Quy chế kèm theo).

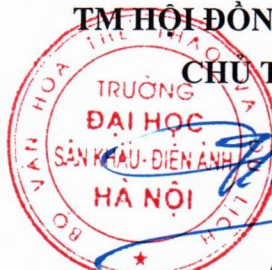
Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

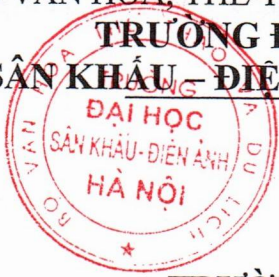
Điều 3. Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng trường, Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội; Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ VH-TT-DL (b/c);
- Lưu VT, HĐT, 30.

TM HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH
HÀ NỘI
PHẠM TRÍ THÀNH





**ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**

**PHẦN I
CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

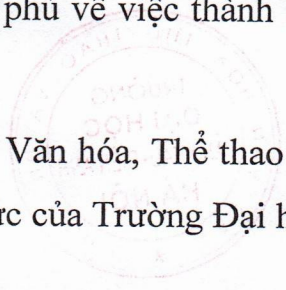
I. Sự cần thiết xây dựng Đề án vị trí việc làm

Xây dựng đề án vị trí việc làm là việc khó khăn, nhạy cảm và phức tạp, bởi liên quan trực tiếp đến con người, đến việc làm của cán bộ, công chức, viên chức trong toàn bộ máy Nhà nước nói chung và cụ thể là viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trong đó có trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Xác định việc xây dựng, quản lý vị trí việc làm là việc khó nhưng có vai trò quan trọng giúp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, là cơ sở để thực hiện chính sách cải cách tiền lương từ ngày 01/07/2024, tạo động lực và phát huy tính sáng tạo, tâm huyết của đội ngũ viên chức khi thực hiện nhiệm vụ. Việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện trên cơ sở các văn bản quy định của Nhà nước. Xác định vị trí việc làm là nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách chế độ công vụ, làm tốt công tác này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc quản lý, tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng... Nhận thức được tầm quan trọng của việc làm này, thực hiện quy định của cơ quan quản lý, trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội đã tổ chức xây dựng Đề án vị trí việc làm và coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của Nhà trường để đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành để góp phần chuẩn hóa đội ngũ viên chức trong toàn trường.

II. Cơ sở pháp lý xây dựng Đề án

a. Văn bản pháp lý về việc thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường:





1. Quyết định 372/CP ngày 17/12/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;
2. Quyết định 3651/QĐ-BVHTTDL ngày 01/10/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội.
 - b. Các văn bản pháp lý liên quan khác:
 1. Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn;
 2. Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn;
 3. Luật Cán bộ, Công chức số 22/2008/QH12 và các văn bản hướng dẫn;
 4. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 và các văn bản hướng dẫn;
 5. Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 và Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung 2018 số 34/2018/QH14 và các văn bản hướng dẫn;
 6. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với viên chức làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn;
 7. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, ngày 10/9/2020 về việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập
 8. Thông tư số 12/2022/TT-BNV, ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập
 9. Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09/8/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.
 10. Thông tư 03/2023/TT-BYT, ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

11. Thông tư 17/2023/TT-BKHHCN, ngày 09/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành khoa học và công nghệ, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

12. Thông tư số 15/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục

13. Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin

14. Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

15. Công văn số 7583/BNV-TCCB ngày 23/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung vướng mắc trong việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm

16. Công văn số 242-CV/BCSD ngày 18/02/2022 của Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ về việc kết quả xây dựng vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã

PHẦN II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC BỘ MÁY, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (VIÊN CHỨC) VÀ CHẤT LƯỢNG, CƠ CẤU ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC

I. Vị trí, chức năng

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh và truyền hình có trình độ đại học, sau đại học và trình độ thấp hơn về các ngành được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép; nghiên cứu và thực nghiệm khoa học trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, truyền hình nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của trường và góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Trường Đại học Sân Khấu – Điện ảnh Hà Nội (sau đây là gọi tắt là Trường) có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; có trụ sở tại Thành phố Hà Nội.

II. Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức

1. Nhiệm vụ và quyền hạn

Trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch phê duyệt chiến lược phát triển Trường, kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm về công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học của Trường và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

Tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; xây dựng và công bố chuẩn đầu ra đối với các ngành đào tạo; biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, duyệt và phát hành giáo trình, tài liệu và các ấn phẩm khoa học khác phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường theo quy định của pháp luật.

Tổ chức tuyển sinh, đào tạo, thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ cho các ngành được phép đào tạo theo quy định của pháp luật.

Tổ chức nghiên cứu khoa học; triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn hoạt động của Trường.

Tổ chức các hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật.

Hợp tác liên kết với các cơ sở đào tạo, các tổ chức, các nhân nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật nhằm phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo.

Cải tiến công tác quản lý, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Trường tinh gọn, hoạt động hiệu quả; thực hiện các nội dung cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch công tác của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quản lý tổ chức bộ máy, nhân sự; thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động, người học thuộc phạm vi quản lý của Trường theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Thực hiện kiểm định và đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật.

Xây dựng trang điện tử (Website) của Trường, quản lý và cung cấp thông tin của Trường, tham gia vào hệ thống thông tin chung của các trường đại học, các bộ, ngành có liên quan.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ trường Đại học và được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao.

2. Cơ cấu tổ chức

- Hội đồng Trường.
- Lãnh đạo Trường:
 - Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng.
- Các phòng chức năng:
 - + Phòng Hành chính, Tổng hợp;
 - + Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế;
 - + Phòng Công tác học sinh, sinh viên;
 - + Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.
- Các khoa:
 - + Khoa Nhiếp ảnh;
 - + Khoa Sân khấu;
 - + Khoa Múa;
 - + Khoa Kịch hát dân tộc;
 - + Khoa Thiết kế mỹ thuật;
 - + Khoa Nghệ thuật Điện ảnh;
 - + Khoa Truyền hình;
 - + Khoa Công nghệ Điện ảnh – Truyền hình;
 - + Khoa Kiến thức cơ bản.
- Các tổ chức trực thuộc:
 - + Viện Sân khấu – Điện ảnh;
 - + Trung tâm Thông tin, Thư viện;

- + Tạp chí nghiên cứu Sân khấu – Điện ảnh;
- + Trung tâm Thực hành Sân khấu – Điện ảnh;
- + Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học.

III. Thực trạng số lượng viên chức, lao động hợp đồng và chất lượng đội ngũ viên chức

1. Thực trạng biên chế viên chức và người lao động của đơn vị (thống kê chi tiết theo mẫu Phụ lục 01A kèm theo)

1.1. Số chỉ tiêu biên chế viên chức được Bộ trưởng giao năm 2023: 164 chỉ tiêu.
Trong đó:

1.2. Số viên chức có mặt tính đến ngày 31/12/2023: 157 người

1.3. Số biên chế viên chức chưa sử dụng: 07 chỉ tiêu.

2. Thực trạng chất lượng đội ngũ viên chức có mặt tính đến ngày 31/12/2023 (Thống kê chi tiết theo mẫu Phụ lục 01B kèm theo)

a) Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo:

- Tiến sĩ:	Số lượng: 17 người	Tỷ lệ: 10.82 %
- Thạc sĩ:	Số lượng: 107 người	Tỷ lệ: 68.15 %
- Đại học:	Số lượng: 32 người	Tỷ lệ: 20.38 %
- Cao đẳng:	Số lượng: 0 người	Tỷ lệ: 0 %
- Trung cấp:	Số lượng: 0 người	Tỷ lệ: 0 %
- Sơ cấp:	Số lượng: 01 người	Tỷ lệ: 0.65 %

b) Về trình độ lý luận chính trị:

- Cao cấp chính trị:	Số lượng: 10 người	Tỷ lệ: 6.36 %
- Trung cấp chính trị:	Số lượng: 51 người	Tỷ lệ: 32.48 %
- Sơ cấp:	Số lượng: 0 người	Tỷ lệ: 0 %

c) Về trình độ ngoại ngữ:

- Đại học trở lên:	Số lượng: 15 người	Tỷ lệ: 9.55 %
- Chứng chỉ:	Số lượng: 128 người	Tỷ lệ: 81.52 %

d) Về trình độ tin học:

- Trung cấp trở lên:	Số lượng: 09 người	Tỷ lệ: 5.73 %
- Chứng chỉ tin học:	Số lượng: 140 người	Tỷ lệ: 89.17 %

đ) Về giới tính:

- Nam:	Số lượng: 63 người	Tỷ lệ: 40.12 %
- Nữ:	Số lượng: 94 người	Tỷ lệ: 59.88 %

e) Về độ tuổi:

- Dưới 30 tuổi:	Số lượng: 06 người	Tỷ lệ: 3.82 %
- Từ trên 31 đến 40 tuổi:	Số lượng: 63 người	Tỷ lệ: 40.12 %
- Từ 41 đến 50 tuổi:	Số lượng: 63 người	Tỷ lệ: 40.12 %
- Từ 51 đến 60 tuổi:	Số lượng: 24 người	Tỷ lệ: 15.28 %
- Trên 60 tuổi:	Số lượng: 01 người	Tỷ lệ: 0.66 %

3. Thực trạng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của đơn vị (đã được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức) tính đến ngày 31/12/2023 (Thống kê chi tiết theo mẫu Phụ lục 01C kèm theo)

3.1. Đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (từ phó trưởng phòng và tương đương trở lên):

- Hạng I và tương đương:	Số lượng: 02 người	Tỷ lệ: 1.3%
- Hạng II và tương đương:	Số lượng: 08 người	Tỷ lệ: 5.1%
- Hạng III và tương đương:	Số lượng: 27 người	Tỷ lệ: 17.2%

3.2. Đối với viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

- Hạng I và tương đương:	Số lượng: 02 người	Tỷ lệ: 1.3%
- Hạng II và tương đương:	Số lượng: 03 người	Tỷ lệ: 1.9%
- Hạng III và tương đương:	Số lượng: 111 người	Tỷ lệ: 70.7%
- Hạng IV và tương đương:	Số lượng: 03 người	Tỷ lệ: 1.9%
- Hạng V và tương đương:	Số lượng: 01 người	Tỷ lệ: 0.6%

PHẦN III
THỐNG KÊ VÀ PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC THEO
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TÍNH CHẤT, MỨC ĐỘ PHỨC TẠP

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thống kê chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo

PHẦN IV
XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

I. Xác định vị trí việc làm

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thống kê chi tiết theo Phụ lục 03A, 03B

PHẦN V
TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM
VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

I. Số lượng vị trí việc làm của Trường (Thống kê theo Phụ lục 04 kèm theo)

1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 05 vị trí.
2. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 06 vị trí.
3. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 38 vị trí.
4. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 02 vị trí.

II. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường

Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý là: 126 người, trong đó:

STT	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng viên chức	Tỷ lệ (%)
1	Hạng I và tương đương	07	5,56
1.1	Giảng viên cao cấp (hạng I)	07	5,56
2	Hạng II và tương đương	41	32,54
2.1	Giảng viên chính (hạng II)	30	23,81
2.2	Giảng viên thực hành chính (hạng II)	02	1,59
2.3	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	01	0,79
2.4	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	01	0,79

2.5	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	01	0.79
2.6	Chuyên viên chính về hành chính – văn phòng	01	0.79
2.7	Kế toán viên chính	01	0.79
2.8	Chuyên viên chính về quản lý chương trình và tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng	01	0.79
2.9	Chuyên viên chính về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	01	0.79
2.10	Chuyên viên chính về quản lý người học	01	0.79
2.11	Nghiên cứu viên chính (hạng II)	01	0.79
3	Hạng III và tương đương trở xuống:	78	61,9
3.1	Giảng viên (hạng III)	23	18.25
3.2	Trợ giảng (hạng III)	02	1.59
3.3	Giảng viên thực hành (hạng III)	05	3.97
3.4	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	01	0.79
3.5	Chuyên viên về pháp chế	01	0.79
3.6	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	01	0.79
3.7	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	01	0.79
3.8	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	01	0.79
3.9	Chuyên viên về tổng hợp	01	0.79
3.10	Chuyên viên về hành chính – văn phòng	03	2.38
3.11	Chuyên viên về truyền thông	01	0.79
3.12	Chuyên viên về quản trị công sở	01	0.79
3.13	Văn thư viên	01	0.79
3.14	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	01	0.79
3.15	Kế toán viên	03	2.38
3.16	Chuyên viên thủ quỹ	01	0.79
3.17	Chuyên viên về quản lý chương trình và tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng	01	0.79
3.18	Chuyên viên về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	01	0.79
3.19	Chuyên viên về quản lý người học	03	2.38
3.20	Chuyên viên về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	01	0.79
3.21	Công nghệ thông tin hạng III	01	0.79
3.22	Nghiên cứu viên (hạng III)	01	0.79
3.23	Thư viện viên hạng III	01	0.79
3.24	Di sản viên hạng III	01	0.79
3.25	Tuyên truyền viên văn hóa	01	0.79



3.26	Kỹ sư (hạng III)	05	3.97
3.27	Kỹ thuật dựng phim hạng III	04	3.17
3.28	Đạo diễn nghệ thuật hạng III	01	0.79
3.29	Âm thanh viên hạng III	01	0.79
3.30	Quay phim hạng III	01	0.79
3.31	Biên tập viên hạng III	01	0.79
3.32	Nhân viên y tế cơ quan	01	0.79
3.33	Lái xe	01	0.79
3.34	Kỹ thuật viên (hạng IV)	03	2.38